

**NGHỊ QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Sông Đà 1**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 1.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/BB-ĐHĐCĐTN2019 của Công ty cổ phần Sông Đà 1 ngày 12/7/2019 đã được Đại hội thông qua.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 1 năm 2019 quyết nghị thông qua các nội dung sau:**

**1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019:**

\* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	3.809.140	99,78%
Không đồng ý	0	0,00%
Không có ý kiến gì	8.520	0,22%

**2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán với các số liệu chính như sau:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Tại thời điểm 31/12/2018	Ghi chú
<b>A. TÀI SẢN:</b>				
I	Tài sản ngắn hạn.	đồng	65.436.186.615	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	đồng	153.951.667	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	đồng		



3	Các khoản phải thu	đồng	34.464.804.736	
4	Hàng tồn kho	đồng	28.767.540.879	
5	Tài sản ngắn hạn khác	đồng	2.049.889.333	
II	Tài sản dài hạn.	đồng	3.924.488.028	
1	Các khoản phải thu dài hạn	đồng		
2	Tài sản cố định	đồng	1.819.057.853	
3	Bất động sản đầu tư	đồng		
4	Chi phí XDCB dở dang	đồng		
5	Các khoản đầu tư dài hạn	đồng		
6	Tài sản dài hạn khác	đồng	2.105.430.175	
	<b>TỔNG TÀI SẢN:</b>	đồng	69.360.674.643	
<b>B. NGUỒN VỐN:</b>				
I	Nợ phải trả.	đồng	159.252.288.883	
1	Nợ ngắn hạn	đồng	159.252.288.883	
2	Nợ dài hạn	đồng		
II	Vốn chủ sở hữu.	đồng	(89.891.614.240)	
1	Vốn chủ sở hữu	đồng	(89.891.614.240)	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	đồng		
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN:</b>	đồng	69.360.674.643	

Kết quả SXKD năm 2018 đã được kiểm toán:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Tại thời điểm 31/12/2018	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	đồng	6.790.122.891	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu.	đồng	5.833.658.181	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	đồng	956.464.710	
4	Giá vốn hàng bán.	đồng	4.045.953.780	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	đồng	(3.089.489.070)	
6	Doanh thu hoạt động tài chính.	đồng	6.217.328	
7	Chi phí tài chính.	đồng	(222.891.680)	
8	Chi phí bán hàng.	đồng		

9	Chi phí quản lý kinh doanh.	đồng	501.669.840
10	LN thuần từ hoạt động KD.	đồng	(3.362.049.902)
11	Thu nhập khác.	đồng	2.541.514.872
12	Chi phí khác.	đồng	1.518.518.968
13	Lợi nhuận khác.	đồng	1.022.995.904
14	Tổng lợi nhuận trước thuế.	đồng	(2.339.053.998)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành.	đồng	
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại.	đồng	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN.	đồng	(2.339.053.998)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu.	đồng	(369)

\* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	3.809.140	99,78%
Không đồng ý	0	0,00%
Không có ý kiến gì	8.520	0,22%

### 3. Thông qua Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2018:

\* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	3.809.140	99,78%
Không đồng ý	0	0,00%
Không có ý kiến gì	8.520	0,22%

### 4. Thông qua Báo cáo công tác hoạt động của BKS năm 2018:

\* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	3.809.140	99,78%
Không đồng ý	0	0,00%



Không có ý kiến gì	8.520	0,22%
--------------------	-------	-------

### 5. Thông qua Phân chia lợi nhuận năm 2018:

Không phân phối lợi nhuận do kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính đã kiểm toán có kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 lỗ.

\* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	3.809.140	99,78%
Không đồng ý	0	0,00%
Không có ý kiến gì	8.520	0,22%

### 6. Thông qua quyết toán kinh phí hoạt động của HĐQT & BKS năm 2018; Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2019:

- Quyết toán kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2018: Do kết quả SXKD được kiểm toán của bị lỗ nên HĐQT và BKS không nhận thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Dự toán kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2019

TT	Nội dung chi phí	Số Người	Mức thù lao (vnd/người/tháng)	Thành tiền	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị.			276.000.000	
	- Chủ tịch HĐQT	1	7.000.000	84.000.000	
	- Phó CT HĐQT	2	5.000.000	120.000.000	
	- Thành viên HĐQT	2	3.000.000	72.000.000	
2	Ban kiểm soát			72.000.000	
	- Trưởng ban	1	3.000.000	36.000.000	
	- Thành viên BKS	2	1.500.000	36.000.000	
	Thù lao của HĐQT & BKS			348.000.000	

Kinh phí thù lao được quy đổi ra cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (không thanh toán bằng tiền).

- Nếu Công ty trong năm 2019 có lợi nhuận thì mức thù lao của HĐQT và BKS được hưởng bằng 100% kế hoạch.

- Nếu Công ty trong năm 2019 tiếp tục không có lợi nhuận thì mức thù lao của HĐQT và BKS được hưởng bằng 0% kế hoạch.

\* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	3.809.140	99,78%
Không đồng ý	0	0,00%



7. Thông qua Tờ trình Phê duyệt phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi công nợ của Công ty cổ phần Sông Đà 1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung liên quan đến việc tăng vốn điều lệ và phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với các nội dung chi tiết như sau:

7.1. Phê duyệt phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi công nợ của Công ty cổ phần Sông Đà 1 cụ thể:

a. Giá trị ; Số lượng; Mệnh giá cổ phần phát hành riêng lẻ:

- Giá trị cổ phần phát hành riêng lẻ: 14.371.750.000 đồng (Mười bốn tỷ, ba trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- Số lượng cổ phần phát hành riêng lẻ: 1.437.175 cổ phiếu (Một triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm bảy mươi năm cổ phần).

- Mệnh giá cổ phần phát hành riêng lẻ: 10.000,00 đồng/1 cổ phần.

b. Phương thức phát hành: Chào bán riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ của Công ty.

c. Tiêu chí xác định đối tượng chào bán

Là tổ chức và cá nhân đó đang là chủ nợ của Công ty và có nhu cầu hoán đổi các khoản nợ của Công ty sang hình thức đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 1.

d. Định giá độc lập giá trị cổ phần

Giá trị cổ phiếu công ty CP Sông Đà 1 được định giá độc lập tại thời điểm 31/12/2018: 2.709 VND/1 cổ phần.

e. Phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi công nợ

- Giá hoán đổi của cổ phiếu SD1 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Căn cứ việc xác định giá hoán đổi bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu, như vậy tỷ lệ hoán đổi là 1:10000 (tức là 1 cổ phiếu sẽ hoán đổi 10.000 đồng nợ)

f. Phương án làm tròn và xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh:

Khi hoán đổi khoản nợ thành cổ phiếu, số cổ phiếu được hoán đổi sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ sẽ tự động xóa bỏ.

g. Đối tượng phát hành

Căn cứ vào công nợ giữa Công ty và Chủ nợ đến thời điểm 31/12/2018 (theo báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán) và công nợ không đổi đến thời điểm chào bán.

Chủ nợ đồng ý hoán đổi công nợ sang cổ phần SD1 với tỉ lệ: 1 cổ phiếu sẽ hoán đổi 10.000 đồng nợ

Công ty cổ phần Sông Đà 1 thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ cụ thể như sau:

TT	Nhà đầu tư	Số dư nợ đến thời điểm 31/12/2018 (vnd)	Số lượng cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ hoán đổi	Giá trị theo mệnh giá (vnd)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Phát triển Nhà TCL Hà Nội	4.357.750.000	435.775	4.357.750.000
2	Công ty Cổ phần Quản lý Kinh doanh Nhà và Đô thị Sông Đà 1	4.199.000.000	419.900	4.199.000.000
3	Công ty cổ phần Sông Đà 1.02 Hà Nội	1.550.000.000	155.000	1.550.000.000
4	Công ty TNHH SD-ONE Việt Nam	4.265.000.000	426.500	4.265.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.371.750.000</b>	<b>1.437.175</b>	<b>14.371.750.000</b>

**h. Hạn chế chuyển nhượng:**

Theo quy định pháp luật, số cổ phiếu phát hành riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

**i. Thời điểm phát hành:**

Thời điểm phát hành số cổ phiếu trên sẽ diễn ra trong năm 2019. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định thực hiện.

**j. Phương thức chào bán:** Tổ chức phát hành phân phối trực tiếp cho nhà đầu tư

**k. Thời gian phân phối:** Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đợt phát hành.

**n. Đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung:**

Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán thêm theo phương án đã nêu sẽ được ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán và được niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi đợt phát hành hoàn thành.

**7.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung liên quan đến việc tăng vốn điều lệ và phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với các nội dung cụ thể sau:**

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty sửa đổi điều lệ công ty đối với vốn điều lệ công ty trên cơ sở giá trị chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi công nợ đã nêu ở trên thực hiện thành công.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty thực hiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan quản lý nhà nước để thay đổi đăng ký kinh doanh khi việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi công nợ đã nêu ở trên thực hiện thành công.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty thực hiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi công nợ đã nêu ở trên.

\* Tỷ lệ biểu quyết Thông qua Tờ trình Phê duyệt phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi công nợ của Công ty cổ phần Sông Đà 1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung liên quan đến việc tăng vốn điều lệ và phát hành chào



bán cổ phiếu riêng lẻ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với các nội dung chi tiết như sau:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	3.809.140	99,78%
Không đồng ý	0	0,00%
Không có ý kiến gì	8.520	0,22%

a. Tách riêng: Số cổ phần biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội có liên quan và không liên quan đến nhà đầu tư được hoán đổi nợ thành cổ phiếu:

TT	Số cổ phần biểu quyết (người không liên quan đến nhà đầu tư được hoán đổi nợ thành cổ phiếu)	Số cổ phần biểu quyết (người có liên quan đến nhà đầu tư được hoán đổi nợ thành cổ phiếu)
1	1.976.557	1.841.103

b. Tỷ lệ biểu quyết (tách riêng của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội không và có liên quan đến nhà đầu tư được hoán đổi nợ thành cổ phiếu):

Phương án biểu quyết	người không liên quan đến nhà đầu tư được hoán đổi nợ thành cổ phiếu		người có liên quan đến nhà đầu tư được hoán đổi nợ thành cổ phiếu	
	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết
Đồng ý	1.968.037	99,57%	1.841.103	100%
Không đồng ý	0	0,00%	0	0,00%
Không có ý kiến gì	8.520	0,43%	0	0,00%

8. Thông qua Tờ trình Ủy quyền; cho phép HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Ủy quyền phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019:

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định: Đầu tư hoặc giao dịch bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
- Cho phép Tổng giám đốc được ký kết, thực hiện Hợp đồng; giao dịch với người, bên có liên quan được quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Điều 34 tại Điều lệ Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Cho phép việc Hội đồng quản trị có thể được chậm thực hiện về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; các loại báo cáo hơn so với quy định trong điều lệ.



- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán kết quả SXKD, báo cáo quyết toán tài chính năm 2019 phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.
- \* Tỷ lệ biểu quyết:

Phương án biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội
Đồng ý	3.809.140	99,78%
Không đồng ý	0	0,00%
Không có ý kiến gì	8.520	0,22%

**Điều 2:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thống nhất giao cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội thông qua theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

**Điều 3:** Các cổ đông; Các thành viên HĐQT & BKS; Ban Tổng giám đốc; Trưởng các Phòng, Ban chức năng; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty và các cổ đông công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Nghị quyết này gồm 8 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Sông Đà 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/7/2019.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3.
- UBCK nhà nước (B/c).
- Sở GD&ĐT Hà Nội (B/c).
- Các cổ đông (B/c).
- HĐQT, BKS Công ty (T/h).
- Ban TGD.
- Lưu HĐQT, TCHC

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TOA  
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Xuân Bình

